

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 690/2025/DS-PT

Ngày: 10/9/2025

“Về việc yêu cầu giao nhà và đất,
hợp đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất, hợp đồng vay tài sản và
hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông Trần Văn Đạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 281/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7
năm 2025 về tranh chấp “Yêu cầu giao nhà và đất, hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân
dân khu vực 2 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 971/2025/QĐ-PT ngày
21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp H, xã V, tỉnh
Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Theo Văn bản ủy quyền ngày 08/11/2024.

- *Bị đơn*: Ông Đặng Minh K, sinh năm 1966.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp C, xã V, tỉnh Đồng Tháp). Theo Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2025.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (Có mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là ấp C, xã V, tỉnh Đồng Tháp). Theo Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2025.

3. Văn phòng C1.

Địa chỉ: N, khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Nay là Nguyễn Văn C, ấp C, xã V, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng K1, Trưởng văn phòng. (Xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Đặng Minh K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H là chị Phan Thị Ngọc N trình bày: Bà H đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50,0m² đất ở tại nông thôn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06655 do Ủy ban nhân dân

huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K đã chuyển nhượng cho bà H theo hồ sơ số 005927.CN.005 ngày 08/9/2020 và thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m² đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K đã chuyển nhượng cho bà H theo hồ sơ số 005926.CN.005 ngày 08/9/2020.

Nguồn gốc hai thửa đất này là bà H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trên thửa đất số 263 có ngôi nhà của ông K đang quản lý, sử dụng. Khi mua đất của ông T, bà H có gặp ông K để thỏa thuận căn nhà trên đất thì ông K đồng ý di dời nhà đi nơi khác nên bà H mới đồng ý nhận chuyển nhượng đất từ ông T.

Sau khi nhận chuyển nhượng xong thì ông K năn nỉ bà H xin chuộc lại, bà H cũng đồng ý cho chuộc nhưng từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay đã quá lâu. Trong khi đó, bà H chỉ cho ông chuộc lại trong thời gian 03 tháng nhưng đến nay ông K vẫn không có thiện chí để chuộc lại đất. Nội dung sự việc của bà H đã được Ủy ban nhân dân xã L ngày 13/7/2023. Tại buổi hòa giải, ông K cũng yêu cầu cho ông thêm thời gian để ông bán được đất chuộc lại đất của bà H nhưng đến nay, ông cũng không thực hiện.

Bà H yêu cầu ông K di dời ngôi nhà và các tài sản cá nhân ra khỏi thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m² đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông K đứng tên đã chuyển nhượng cho bà H theo hồ sơ số 005926. CN.005 ngày 08/9/2020 để trả lại đất cho bà H. Đất tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau, bà H yêu cầu:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn phòng C1 theo số công chứng số 004091, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/8/2020 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50m², loại đất ở nông thôn. Đất tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn phòng C1 theo số công chứng số 004090, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/8/2020 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², loại đất trồng cây lâu năm. Đất tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng

tại Văn phòng C1 theo số công chứng số 005568, quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/11/2019 giữa ông Đặng Minh K và bà là Ngô Thị T1 với ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50m², loại đất ở tại nông thôn. Đất tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn phòng C1 theo số công chứng số 005569, quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/11/2019 giữa ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1 với ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², loại đất trồng cây lâu năm. Đất tại ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Yêu cầu ông K và bà T1 liên đới trả lại bà H số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng và tiền lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật, tiền lãi tính như sau:

+ Lãi suất trong hạn là 1,66%/tháng, tính từ ngày vay tháng 8/2020 đến tháng 12/2020 là 800.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 4 tháng = 53.120.000 đồng.

+ Lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tính từ 01/2021 đến ngày Tòa án xét xử (tạm tính đến tháng 11/2024 là 53.120.000 đồng x 0,83%/tháng x 46 tháng = 20.281.216 đồng.

+ Lãi suất quá hạn là tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 150% của mức lãi 1,66%/tháng là 2,49%/tháng, tính từ tháng 01/2021 đến ngày Tòa án xét xử (tạm tính đến tháng 11/2024 là 800.000.000 đồng x 2,49%/tháng x 46 tháng = 916.320.000 đồng).

Tổng tiền vốn và tiền lãi của số tiền 800.000.000 này là: 800.000.000 đồng + 989.721.216 đồng = 1.789.721.216 đồng.

Ngoài ra, bà H có giao dịch với vợ chồng ông K như sau:

Ngày 16/3/2021, vợ chồng ông K vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, có làm hợp đồng công chứng số 001420 ngày 16/3/2021 tại Văn phòng C1. Ông K là người đại diện ký hợp đồng vay. Thời hạn vay 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/tháng, trả tiền lãi hàng tháng. Tuy nhiên, sau khi vay cho tới nay thì vợ chồng ông K chưa thanh toán cho bà H được số tiền lãi nào. Đã nhiều lần bà H yêu cầu vợ chồng ông K trả lại bà H số tiền vốn và lãi của hợp đồng vay này nhưng ông bà vẫn không thực hiện.

Bà H là người mua bán thịt heo, vợ chồng ông K có mở quán bán thức ăn sáng nên bà T1 đã mua thịt heo của bà H còn nợ tiền từ năm 2023 đến nay tổng số tiền là 53.691.000 đồng, bà T1 có ký tên xác nhận nợ bà H số tiền này. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T1 và ông K trả tiền cho bà H nhưng ông bà vẫn không thực hiện.

Vợ chồng ông K còn mượn của bà H số tiền 30.000.000 đồng, bà H không nhớ rõ thời gian cụ thể.

Bà H khởi kiện bổ sung như sau:

- Yêu cầu ông K và bà T1 liên đới trả cho bà H số tiền vay 100.000.000 đồng, tiền nợ mua bán 53.691.000 đồng và khoản tiền vay 30.000.000 đồng, tổng số tiền vốn 183.691.000 đồng.

- Yêu cầu ông K và bà T1 trả lãi đối với số tiền 100.000.000 đồng, tính lãi như sau:

+ Lãi suất trong hạn là 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày vay là 17/3/2021 đến ngày 16/3/2022 là $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 19.920.000 \text{ đồng}$.

+ Lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, tính từ ngày 17/3/2022 đến ngày Tòa án xét xử (tạm tính đến tháng 11/2024 là $19.920.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 5.290.752 \text{ đồng}$).

+ Lãi suất quá hạn là tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 150% của mức lãi 1,66%/tháng là 2,49%/tháng, tính từ 17/3/2022 đến ngày Tòa án xét xử (tạm tính đến tháng 11/2024 là $800.000.000 \text{ đồng} \times 2,49\%/\text{tháng} \times 32 \text{ tháng} = 79.680.000 \text{ đồng}$).

Tổng số tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng tạm tính đến tháng 11/2024 là $19.920.000 \text{ đồng} + 5.290.752 \text{ đồng} + 79.680.000 \text{ đồng} = 104.890.752 \text{ đồng}$.

Bị đơn ông Đặng Minh K và người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Minh K là chị Trần Thị Kim P trình bày:

Ông K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì thực tế đây là tiền vay chứ không phải mua bán đất. Trước đây, thửa đất này ông K cầm cố cho ông Nguyễn Hồng T, sau đó bà H mới cho ông K vay tiền để chuộc lại. Nay ông K đồng ý trả tiền vay lại cho bà H chứ không đồng ý giao nhà và đất cho bà H. Ông K cầm cho ông T 2 thửa đất, 1 thửa có căn nhà đang tranh chấp giữa bà H với ông K, 1 thửa đất nằm cặp phía sau của thửa đất có căn nhà. Lúc đó, ông K cầm cho ông T số tiền 300.000.000 đồng, ông K thế chấp cho ông T 2 thửa đất nêu trên.

Tháng 9/2020 bà H cho ông K vay 700.000.000 đồng để chuộc sổ đỏ từ ông T về là chuộc cả 2 phần đất. Ông K với bà H thống nhất mua bán với nhau thửa đất phía sau nhà với giá 270.000.000 đồng (trong đó, bà H đã giao cho ông K 30.000.000 năm 2010 và 240.000.000 đồng sau khi lấy sổ từ T về), còn lại thửa đất có căn nhà ông K với bà H thỏa thuận bà H để cho ông K chuộc lại, ông K trả tiền vốn 700.000.000 đồng và đóng tiền lãi cho bà H mỗi tháng 2%/tháng.

Tại Văn phòng công chứng Nguyễn Hoàng K1, bà H giao cho ông T số tiền 450.000.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng về nhà ông K bà H giao tiếp cho ông K là đủ 700.000.000 đồng. Việc giao nhận tiền giữa ông K với bà H, giữa bà H với ông T không có lập giấy tờ gì.

Ông K thực hiện trả tiền lãi cho bà H mỗi tháng 14.000.000 đồng, bắt đầu trả vào ngày 19/10/2020.

Khoảng 2 tháng sau ông K có vay thêm của bà H số tiền 100.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 này có lập hợp đồng vay tại Văn phòng C1, lãi suất là 3%/tháng. Tổng số tiền ông K nợ bà H là 800.000.000 đồng.

Ông K vay tiền, trả lãi, sang tên giấy đất cho ông T, do đó ông K đã đồng ý để ông T làm thủ tục chuyển nhượng và sang tên giấy đất của phần đất có căn nhà của ông K cho bà H đứng tên. Khi nào ông K trả hết vốn và lãi thì bà H sang tên giấy đất lại cho vợ chồng ông K.

Trong quá trình từ năm 2020 đến nay, ông K trả tiền lãi cho bà H được 9 tháng với số tiền bao nhiêu thì ông K không nhớ rõ. Chỉ nhớ 2 lần sau cùng còn nợ lại lần thứ nhất là 5.000.000 và lần thứ 2 là 10.000.000 tiền lãi.

Nay ông K đồng ý trả tiền vốn cho bà H 800.000.000 và tiền lãi. Tiền lãi tính từ tháng 07/2021 đến ngày Tòa án xét xử, mức lãi suất là 2%/tháng. Ông K xin trả dần chứ không có khả năng trả 1 lần. Giữa ông K với bà H không có thỏa thuận gì về căn nhà trên đất. Từ thời điểm giao kết hợp đồng vay đến nay thì gia đình ông K vẫn ở trên căn nhà này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị T1 là chị Trần Thị Kim P trình bày: Bà T1 thống nhất với ý kiến ông K đã trình bày.

Văn phòng C1 trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến vụ án nêu trên thực hiện đúng trình tự thủ tục theo các quy định của pháp luật, đúng với ý chí các bên tham gia giao dịch.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Tháp) áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 124, Điều 131, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật đất đai năm 2024; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H đối với số tiền 30.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/8/2020 số công chứng số 004090 quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật thay đổi của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 05/12/2019 cho ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/8/2020 số công chứng số 004090 quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50m², đất ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật thay đổi của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 05/12/2019 cho ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/11/2019 số công chứng 005568 quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Đặng Minh K, bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50,0m², đất ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06655 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/11/2019 số công chứng 005569 quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Đặng Minh K, bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50m², đất trồng ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 06655 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng T, năm sinh 1980, CMND số 311636230, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005927.CN.002 ngày 05/12/2019 và Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ngọc H, năm sinh 1971, CMND số 310659239, địa chỉ thường trú: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005927.CN.005 ngày 08/9/2020” theo quyết định của Tòa án.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng T, năm sinh 1980, CMND số 311636230, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005926.CN.002 ngày 05/12/2019 và Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ngọc H, năm sinh 1971, CMND số 310659239, địa chỉ thường trú: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005926.CN.005 ngày 08/9/2020” theo quyết định của Tòa án.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Đặng Minh K được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Buộc Ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền vay 1.850.688.000 đồng và số tiền mua bán 53.691.000 đồng, tổng cộng là 1.904.379.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phan Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng ông K và bà T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, bị đơn ông Đặng Minh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông K, bà T1 chỉ đồng ý trả cho bà H số nợ 1.360.800.000 đồng với lãi suất 0,83%/tháng và chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền mua bán là 3.566.000 đồng, đồng thời xin được trả dần số tiền nợ.

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1: Đối với số tiền vay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, bà T1, buộc ông K bà T1 trả cho bà H số tiền 1.360.800.000 đồng và tiền lãi là 0,83%/tháng từ ngày 28/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền mua bán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K và bà T1, buộc ông K và bà T1 trả cho bà H số tiền là 3.566.000 đồng. Đối với việc ông K, bà H xin trả nợ dần, phía bà H không đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông K, bà H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Minh K, bà Ngô Thị T1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng mua bán tài sản ” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1 trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Do ông Đặng Minh K vay tiền của ông Nguyễn Hồng T nên ông K có cầm cố đất cho ông T, sau đó để chuộc đất lại ông K vay tiền của bà H để trả tiền cho ông T và cầm cố đất lại cho bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với các hợp đồng chuyển nhượng như sau:

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/8/2020 số công chứng số 004090 quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật thay đổi của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 05/12/2019 cho ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/8/2020 số công chứng số 004090 quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50m², đất ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật thay đổi của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 05/12/2019 cho ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/11/2019 số công chứng 005568 quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Đặng Minh K, bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50,0m², đất ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06655 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/11/2019 số công chứng 005569 quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Đặng Minh K, bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu bốn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là có căn cứ pháp luật.

2.2 Về số tiền vay:

2.2.1 Theo bà H bà cho ông K và bà T1 vay hai lần như sau:

- Tháng 8 năm 2020 vay 800.000.000 đồng, không làm giấy tờ, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Bà H yêu cầu ông K và bà T1 trả số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 800.000.000 đồng, tạm tính đến tháng 11 năm 2024 là 989.721.000 đồng.

- Ngày 16/3/2021 vay 100.000.000 đồng, không làm giấy tờ, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Bà H yêu cầu ông K và bà T1 trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng, tạm tính đến tháng 11 năm 2024 là 104.890.752 đồng.

2.2.2 Theo ông K thì ông có vay tiền của bà H như sau:

- Tháng 9 năm 2020 vay 700.000.000 đồng, lãi 2%/tháng, sau khi vay ông có trả lãi cho bà H 14.000.000 đồng/tháng, bắt đầu trả từ 19/10/2020.

- Khoảng hai tháng sau vay tiếp 100.000.000 đồng, lãi 3%/tháng.

Ông có trả lãi cho bà H từ năm 2020 đến khi bà H kiện.

2.2.3 Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm giữa bà H và ông K thống nhất đến ngày 28/6/2023 hai bên chốt nợ là 1.360.800.000 đồng. Căn cứ hai bên chốt nợ là tờ giấy có nội dung: “Đến 28/6/2023 1.360.800.000 Một tỷ ba sáu mươi triệu tám trăm ngàn đồng”.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị N trình bày số tiền 1.360.800.000 đồng có 900.000.000 đồng là tiền vốn, 460.800.000 đồng là tiền lãi và yêu cầu ông K bà T1 trả cho bà H số tiền vay là 1.360.800.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng từ ngày 28/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm; Chị P trình bày số tiền 1.360.800.000 đồng có 800.000.000 đồng tiền vốn, 560.800.000 đồng tiền lãi, ông K bà Tiên đồng Ý trả cho bà H số tiền vay là 1.360.800.000 đồng và tiền lãi là 0,83%/tháng từ ngày 28/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Như vậy, có cơ sở xác định đến ngày 28/6/2023 số tiền vốn của hai lần vay trước cộng với tiền lãi nên hai bên chốt nợ ông K nợ bà T1 số tiền là 1.360.800.000 đồng. Giấy chốt nợ cũng không ghi thời gian trả nên việc bà H yêu cầu ông K và bà T1 trả tiền theo lãi vay 1,66%/tháng là không có căn cứ. Tuy nhiên, phía ông K, bà Tiên đồng Ý trả cho bà H số tiền 1.360.800.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ khi chốt nợ là ngày 28/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho phía nguyên đơn và phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Tòa sơ thẩm tính lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 1.360.800.000 đồng từ ngày 28/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là không đúng. Do đó ông K và bà T1 kháng cáo yêu cầu tính lại lãi 0,83%/tháng là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi từ ngày 28/6/2023 đến ngày 16/4/2025 là 244.944.000 đồng.

Như vậy số tiền vay ông K và bà T1 có nghĩa vụ trả cho bà H tổng cộng là 1.605.744.000 đồng.

2.3 Về số mua bán:

Bà H kiện yêu cầu ông K và bà T1 trả số tiền mua bán là 53.691.000 đồng.

Ông K chỉ thừa nhận có nợ bà H tiền mua bán là 3.566.000 đồng.

Căn cứ để bà H kiện là tờ giấy ghi trong sổ tại bút lục số 110 có nội dung: “24/12 240.000 + cũ 2.664.000 (từ 27/11/2023 đến 21/12/2023); 3/12 537.000; 1/1/2024 65.000; 16/1 60.000; gạch ngang 3.566.000.

19/1/2024 125.000; tiền cũ 50.000.000 đ; người mua hàng nợ tổng cộng 53.691.000 đ (Năm mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một ngàn đồng”.

Nội dung tờ giấy do bà H ghi.

Phía bên phải tờ giấy có ghi T1 có nhận.

Xét thấy, phía bà T1 ghi tên song song với các dòng chữ nêu trên nên không có căn cứ xác định bà T1 xác nhận toàn bộ nội dung được ghi trong tờ giấy. Mặc khác phần đầu của tờ giấy cũng đã ghi “cũ 2.6664.000 (từ ngày 27/11/2023 đến 21/12/2023” cộng với số tiền của bốn ngày còn lại, phần gạch ngang để xác định số tiền nợ là trùng khớp với số tiền đã liệt kê là 3.566.000 đồng.

Phía bà H không chứng minh được số tiền cũ 50.000.000 đồng là ông K và bà T1 nợ khi nào nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền 125.000 ngày 19/1/2024 ghi dưới số tiền 3.566.000 đồng phía bà H không có căn cứ chứng minh, phía ông K, bà T1 không thừa nhận nên cũng có căn cứ xác định ông K và bà T1 nợ bà H số tiền 125.000 đồng này.

Tòa sơ thẩm nhận định, theo sổ theo dõi mua bán mà bà H cung cấp cho Tòa án có chữ ký xác nhận nợ của bà T1 là “T1 có nhận” bên cạnh nội dung tổng số nợ 53.691.000 đồng nên ý kiến của bà T1 trình bày bà Huyền T2 viết thêm vô là không có cơ sở chấp nhận và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà T1 không yêu cầu giám định để buộc ông K và T1 trả số tiền mua bán là 53.691.000 đồng là không có căn cứ.

Đối với việc ông K, bà T1 xin trả nợ dần nhưng được bà H đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông K và bà T1:

Tổng hợp những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông K và bà T1. Sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ông K và bà T1 phải chịu là 60.279.300 đồng; Bà H phải chịu là 14.753.450 đồng.

Do sửa án sơ thẩm nên ông K và bà T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313, và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1.

- Sửa một phần Bản án Tại bản án dân sự sơ thẩm số 118/2025/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp)

Căn cứ các Điều 124, Điều 131, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H đối với số tiền 30.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/8/2020 số công chứng số 004090 quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H

đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật thay đổi của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 05/12/2019 cho ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/8/2020 số công chứng số 004090 quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Nguyễn Hồng T và bà Phan Thị Ngọc H đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50m², đất ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật thay đổi của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G ngày 05/12/2019 cho ông Nguyễn Hồng T.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/11/2019 số công chứng 005568 quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Đặng Minh K, bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50,0m², đất ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06655 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K.

Tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/11/2019 số công chứng 005569 quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C1 giữa ông Đặng Minh K, bà Ngô Thị T1 và ông Nguyễn Hồng T đối với thửa đất số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018 cho ông Đặng Minh K.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 262, tờ bản đồ số 7, diện tích 50m², đất trồng ở nông thôn, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 06655 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng T, năm sinh 1980, CMND số 311636230, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005927.CN.002 ngày 05/12/2019 và Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ngọc H, năm sinh 1971, CMND số 310659239, địa chỉ thường trú: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005927.CN.005 ngày 08/9/2020” theo quyết định của Tòa án.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 263, tờ bản đồ số 7, diện tích 391,2m², đất trồng cây lâu năm, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 06656 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/5/2018, cập nhật những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất “Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng T, năm sinh 1980, CMND số 311636230, địa chỉ thường trú: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005926.CN.002 ngày 05/12/2019 và Chuyển nhượng cho bà Phan Thị Ngọc H, năm sinh 1971, CMND số 310659239, địa chỉ thường trú: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 005926.CN.005 ngày 08/9/2020” theo quyết định của Tòa án.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Đặng Minh K được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Buộc ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền vay 1.605.744.000 đồng và số tiền mua bán 3.566.000 đồng, tổng cộng là 1.609.310.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phan Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng ông K và bà T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Ngọc H1 phải chịu 14.753.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 36.220.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0011698 ngày 04/10/2023 và biên lai thu số 0009974 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên bà H1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 21.466.550 đồng.

Ông Đặng Minh K và bà Ngô Thị T1 phải chịu 60.279.300 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào 600.000 đồng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0010265 và biên lai thu số 0010264 ngày 16/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên ông K và bà T1 phải nộp tiếp số tiền là 59.679.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm – TANDTC tại TP HCM
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 2-Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan